

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Kiều Đình Sơn

DI TÍCH ĐỀN MIẾU LIÊN QUAN ĐẾN VƯƠNG TRIỀU TRẦN
Ở ĐÔNG TRIỀU (QUẢNG NINH)

Chuyên ngành: Khảo cổ học

Mã số: 62 22 03 17

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ

Hà Nội - 2023

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Tống Trung Tín
PGS.TS Đặng Hồng Sơn

Phản biện:

.....

Phản biện:

.....

Phản biện:

.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia
chấm luận án tiến sĩ họp tại
..... vào hồi giờ ngày tháng năm 20...

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Khu di tích nhà Trần tại Đông Triều (Quảng Ninh) là một quần thể di tích lăng tẩm, đền miếu, chùa, tháp. Những năm vừa qua, trong khi di tích lăng tẩm và chùa tháp đã và đang được nghiên cứu một cách tương đối hệ thống, thì di tích đền miếu ở đây mới chỉ dừng lại ở những nghiên cứu ban đầu. Để có những hiểu biết đầy đủ về di tích đền miếu thuộc khu di tích Nhà Trần tại Đông Triều còn rất nhiều những vấn đề liên quan cần tiếp tục nghiên cứu rõ, như: i) tính chất và mối quan hệ của các di tích đền miếu này với vương triều Trần; ii) đặc điểm cấu trúc, mặt bằng, hình thái kiến trúc; iii) vật liệu xây dựng; kỹ thuật xây dựng; lịch sử hình thành, biến đổi của di tích; iv) giá trị lịch sử, văn hóa của di tích đền miếu liên quan đến vương triều Trần. Đề tài “Di tích đền miếu liên quan đến vương triều Trần ở Đông Triều (Quảng Ninh)” mong muốn giải quyết những vấn đề tồn tại nêu trên.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là tư liệu khảo cổ học, bao gồm toàn bộ di tích, di vật thu được qua quá trình điều tra, khai quật tại di tích đền miếu có liên quan đến vương triều Trần ở Đông Triều.

3. Mục đích nghiên cứu

Làm sáng tỏ những vấn đề về cấu trúc mặt bằng, hình thái kiến trúc, đặc điểm vật liệu, kỹ thuật xây dựng; tính chất, lịch sử hình thành, biến đổi; vai trò, giá trị; đề xuất giải pháp bảo tồn và các vấn đề liên quan khác của di tích đền miếu liên quan đến vương triều Trần ở Đông Triều trong tổng thể di tích nhà Trần ở Đông Triều và Quảng Ninh.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng các phương pháp: khảo cổ học và các phương pháp của các ngành khoa học có liên quan như: sử học, “địa danh học”, kiến trúc, nghệ thuật điêu khắc, ... và một số lý thuyết trong phân tích, đánh giá, nghiên cứu đề xuất bảo tồn di tích, di vật.

5. Thuật ngữ

6. Bố cục

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Phụ lục hình ảnh tư liệu; Luận án gồm 3 chương:

Chương 1: Tổng quan tư liệu và vấn đề

Chương 2: Cấu trúc, đặc điểm của điện An Sinh và Thái Miếu

Chương 3: Giá trị của di tích đền miếu liên quan đến vương triều Trần ở Đông Triều.

CHƯƠNG 1 - TỔNG QUAN TƯ LIỆU VÀ VẤN ĐỀ

1.1. Vương triều Trần và Đông Triều

1.1.1. Vương triều Trần

Ngày Mồng một, tháng Mười Hai năm Ất Dậu, tại điện Thiên An, vua Lý Chiêu Hoàng trút bỏ áo ngự, mời phu quân là Trần Cảnh lên ngôi Hoàng đế, đánh dấu sự chuyển giao quyền lực êm thấm từ nhà Lý sang nhà Trần. Từ vua khởi nghiệp Trần Cảnh đến vua Thiếu đế - vị vua cuối cùng, nhà Trần tồn tại 175 năm (1225-1400), trải qua 12 đời vua. Trong 175 năm tồn tại, Nhà Trần đã xây dựng Đại Việt trở thành một quốc gia văn hiến, có vị trí trong khu vực thời bấy giờ; được đánh giá là một trong những triều đại võ công văn trị bậc nhất trong lịch sử Việt Nam; đây cũng là thời kỳ tinh thần dân tộc thăng hoa, văn hóa, tư tưởng và trí tuệ đạt tới tầm cao.

1.1.2. Khái quát về Đông Triều

Đông Triều là thị xã cửa ngõ phía tây của tỉnh Quảng Ninh, có diện tích tự nhiên 396,58 km², dân số trên 170.000 người, được chia thành 21 đơn vị hành chính (10 phường và 11 xã), gồm 11 dân tộc anh em cùng chung sống, trong đó dân tộc Kinh chiếm 97,4%. Đông Triều cách thành phố Hạ Long khoảng 70km và thành phố Uông Bí 25km, về phía Đông, cách Thủ đô Hà Nội 90km về phía Tây. Phía Bắc giáp huyện Sơn Động và huyện Lục Nam tỉnh Bắc Giang; phía Tây giáp thành phố xã Chí Linh tỉnh Hải Dương; phía Nam giáp huyện Kinh Môn tỉnh Hải Dương; phía Đông Nam giáp huyện Thủy Nguyên thuộc thành phố Hải Phòng và phía Đông giáp thành phố Uông Bí.

1.2. Tư liệu về đền miếu liên quan đến vương triều Trần ở Đông Triều

1.2.1. Tư liệu thư tịch

Các bộ chính sử hầu như không nhắc đến các di tích đền miếu liên quan đến vương triều Trần này tại An Sinh. Một số ít trong đó, gồm: Sách Trần thị gia huấn; Đại việt sử ký toàn thư; Khâm định Việt sử thông giám cương mục; Đại Nam nhất thống chí; Lịch Triều hiến chương loại chí; Đông Khánh dư địa chí; Đông Triều huyện chí; Trần triều thánh tổ các xứ địa đồ ... có nhắc đến các sự kiện liên quan đến quê gốc của nhà Trần và việc xây dựng các lăng tẩm và đền miếu nhà Trần tại Đông Triều.

1.2.2. Tư liệu văn bia

Một số ít các văn bia hiện còn tại đền An Sinh, Đền Thái, chùa Ngọa Vân, chùa Ngọc Thanh có niên đại từ thời Lê Trung hưng đến

thời Nguyễn chỉ nhắc đến lăng mộ cũng như việc sắc cho người dân An Sinh làm dân tạo lệ, được miễn thuế để bảo vệ và thờ tự các hoàng đế nhà Trần, ngày giỗ và vị trí các khu lăng mộ của các vị hoàng đế, hoàng hậu, công chúa, vị trí và số lượng các thừa ruộng thờ cúng, khế ước lập hậu, việc trùng tu chùa tháp, xây dựng mới miếu Tư Phúc hoặc xây dựng đình Đốc Trại ...

1.2.3. Tư liệu thần tích, thần sắc, hương ước

Liên quan đến các đền miếu nhà Trần ở Đông Triều, các thần tích, thần sắc cung cấp thông tin về các vị hoàng đế được thờ phụng; Hương ước các làng cho biết thông tin về lễ hội tại đền An Sinh và sự tham gia của các làng. Năm 1938, Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp tại Hà Nội sưu tầm được tổng cộng 46 thần tích, thần sắc và hương ước của 46/50 làng xã của Đông Triều. Trong số 46 làng xã thì có 7 làng thờ phụng hoặc coi ngày kỵ của vua Trần là trọng lễ của làng.

1.3. Nghiên cứu đền miếu liên quan đến vương triều Trần ở Đông Triều

1.3.1. Nghiên cứu về đền An Sinh

Công trình khảo cứu sớm nhất về đền miếu liên quan đến vương triều Trần ở Đông Triều được tiến hành bởi người Pháp. Bản vẽ mặt bằng lúc này cho thấy, đền An Sinh gồm 3 khu vực: đền An Sinh, Đền thờ công chúa Chiêm Thành và khu Văn chỉ.

Khoảng cuối thập niên 1990, các di tích lăng tẩm, đền miếu nhà Trần tại An Sinh thu hút nhiều nhà nghiên cứu. Nguyễn Du Chi cho rằng, đền An Sinh được xây dựng năm 1381 và là nơi thờ phụng của các vua Trần. Hoàng Giáp khảo cứu về tư liệu Hán Nôm, sưu tầm các bản thác bản đã được người Pháp cho rập và lưu giữ tại Viện Hán Nôm và Viện Thông tin Khoa học Xã hội; đồng thời khảo sát thu thập tư liệu tại hiện trường và công bố các tài liệu văn bia tại An Sinh trong Hội nghị Thông báo Hán Nôm năm 2002.

Năm 2007 các tác giả Nguyễn Văn Anh, Nguyễn Văn Sơn điều tra khu vực Đổng Sinh phía trước đền An Sinh; công bố bộ sưu tập hiện vật lưu giữ tại đền An Sinh.

Năm 2008, BQL các Di tích trọng điểm Quảng Ninh tổ chức điều tra, thu thập tư liệu liên quan đến đền An Sinh, Đền Thái được công bố trong cuốn *Di tích lịch sử văn hóa nhà Trần tại Đông Triều*.

Năm 2017 Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội phối hợp với Bảo tàng Quảng Ninh, Thị xã Đông Triều khai quật tổng thể di tích với diện tích 2500m². Kết quả đã phát

hiện dấu vết kiến trúc của thời Trần, thời Lê Trung hưng và thời Nguyễn. Kết quả trên đã được Đặng Hồng Sơn và các cộng sự giới thiệu trên kỷ yếu Những phát hiện mới năm 2018.

Năm 2022, Hội Khảo cổ học, Viện Khảo cổ học, Bảo tàng Quảng Ninh và Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn khai quật di tích An Sinh lần thứ hai, diện tích khai quật 300m². Ngoài việc tìm kiếm dấu vết khu vực Văn Chi, đã chú trọng tìm hiểu khu vực Đồng Sinh. Kết quả tại Cánh đồng Sinh đã phát hiện dấu vết một số công trình kiến trúc. Bên cạnh việc khai quật, các cơ quan nghiên cứu cũng điều tra sâu hơn khu vực cánh Đồng Sinh; kết quả cho thấy ngoài dấu vết kiến trúc đã được khai quật xuất lộ, còn tìm thấy dấu vết ở một số khu vực khác, điềm xa nhất cánh đềm hiện nay khoảng 500m.

1.3.2. Nghiên cứu về Đền Thái

Cho đến trước năm 2008 chưa được bất kỳ nhà nghiên cứu nào đề ý nghiên cứu. Năm 2008, Ban quản lý các di tích trọng điểm tỉnh Quảng Ninh thực hiện điều tra địa điềm Đền Thái tại Đồi Đình. Cuối năm 2008, Viện Khảo cổ học phối hợp với Ban Quản lý di tích trọng điểm Quảng Ninh thăm dò 5 hố với tổng diện tích 300m². Kết quả đã phát hiện hàng loạt các dấu vết kiến trúc thời Trần cùng hệ thống các di vật trong đó chủ yếu là vật liệu kiến trúc.

Năm 2009-2010, BQL các di tích trọng điểm Quảng Ninh kết hợp với Viện Khảo cổ tổ chức khai quật trên diện tích 5000m². Kết quả đã làm xuất lộ một tổ hợp các dấu vết kiến trúc ở phía Nam của đồi Đình và nhiều loại hình di vật là vật liệu kiến trúc, đồ gốm. Kết quả khai quật thăm dò tại Đền Thái cho phép nhận thức về tính chất, diễn biến niên đại của Đền Thái và đưa ra giả thuyết Đền Thái là Thái Miếu của nhà Trần tại Đông Triều.

Năm 2011, Hội thảo khoa học *Di tích Đền Thái trong hệ thống di tích lăng mộ, đền miếu nhà Trần tại Đông Triều* được tổ chức. Hội thảo đưa ra đánh giá về tính chất, niên đại của Đền Thái, theo đó thống nhất với nhận định của các nhà Khảo cổ cho rằng Đền Thái là Tổ miếu do An Sinh vương xây dựng tại An Sinh. Hầu hết các tham luận tại Hội thảo này đã được công bố trên Tạp chí Khảo cổ học số 5/2021.

Chương 2

CẤU TRÚC, ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐIỆN AN SINH VÀ THÁI MIẾU

2.1. Điện An Sinh

2.1.1. Khu vực điện An Sinh hiện nay

2.1.1.1. Dấu vết kiến trúc thời Trần Có thể xác định được mặt bằng của nhiều công trình khác nhau, gồm: 19 mặt bằng kiến trúc (KT), 06 khoảng sân vườn (Sn), 01 móng tường bao (Tb), 02 cống nước (Cg). Các công trình thuộc về hai giai đoạn

Giai đoạn kiến trúc thứ nhất Có ít nhất 21 đơn nguyên, 05 khoảng sân. Các kiến trúc chính, có mặt bằng lớn chạy dài theo chiều Đông - Tây, rộng theo chiều Bắc - Nam. Kiến trúc hành lang là kiến trúc kết nối các gian đầu hồi của các kiến trúc chính tạo thành sự kết nối liên tục giữa các kiến trúc chính. Và hệ thống các sân/ vườn.

Giai đoạn kiến trúc thứ hai Các kiến trúc đã được xây dựng từ giai đoạn thứ nhất vẫn đang được duy trì sử dụng. Bổ sung thêm 03 đơn nguyên kiến trúc và 02 sân/ vườn.

2.1.1.2. Dấu vết kiến trúc thời Lê Trung hưng

2.1.2. Khu vực Đồng Sinh

Đồng Sinh hay Cảnh Đồng Sinh là địa danh chỉ toàn bộ không gian cảnh đồng phía trước của điện An. Dấu vết di tích ở khu vực Đồng Sinh được phát hiện qua cuộc điều tra năm 2008 và khai quật thăm dò năm 2022 đã phát hiện các dấu vết lò nung ngói, một số dấu vết kiến trúc, cảnh quan hồ nước.

2.1.2.1. Dấu vết kiến trúc

Trong diện tích khai quật thăm dò 230m², đã xuất lộ các dấu vết kiến trúc, nền và bó nền; gồm 02 sân gạch và 38 gia cố móng cột thuộc về nhiều đơn nguyên kiến trúc khác nhau tạo thành một quần thể công trình trong đó có 04 đơn nguyên kết nối liên hoàn. Hai khoảng sân được lát bằng gạch theo kỹ thuật nêp cối, tạo hình theo đồ án hoa chanh. Hệ thống móng cột móng được đầm chặt bằng sỏi son hoặc đá cát. Kỹ thuật và vật liệu sử dụng gia cố móng cột giống với kỹ thuật và nguyên liệu gia cố móng thời Trần phát hiện trong khuôn viên điện An Sinh, Thái Miếu và một số di tích thời Trần khác ở Đông Triều.

2.1.2.2. Dấu vết lò nung gạch ngói

Dấu vết lò nung gạch ngói được phát hiện cách điện An Sinh khoảng 500m về phía Tây Nam. Tại khu vực này đã phát hiện rất nhiều gạch, ngói và đồ sành sứ thời Trần. Hiện vật gạch ngói phát hiện trong địa tầng chủ yếu là gạch, ngói thời Trần. Những thông tin về địa tầng và di vật cho thấy, đây có thể là khu vực tập trung các lò nung gạch ngói phục vụ cho việc xây dựng các công trình tại khu An Sinh.

2.1.3. Di vật

2.1.3.1. Vật liệu kiến trúc: chủ yếu là vật liệu kiến trúc thời Trần, chưa phát hiện vật liệu thời Lê sơ, số lượng loại hình vật liệu thời Lê Trung hưng và Thời Nguyễn có tìm thấy nhưng số lượng khá ít.

- Vật liệu kiến trúc thời Trần, gồm các loại: (1) gạch (vuông; chữ nhật); (2) ngói (ngói sen; ngói sen có mũi/ không có mũi; ngói mũi lá); không có trang trí kiến trúc bao gồm cả các trang trí gắn trên ngói; (3) tảng kê chân cột (đá xanh và đá cát); (4) kim loại - chủ yếu là đinh sắt.

- Vật liệu kiến trúc thời Lê Trung hưng không nhiều loại hình, gồm: gạch chữ nhật (có 2 loại với 42 tiêu bản); ngói (ngói úp; ngói mũi sen - 45 tiêu bản); và tảng kê chân cột (đá xanh - 07 chiếc).

2.1.3.2. Vật dụng hàng ngày

- Vật dụng thời Trần: Có tổng cộng 324 hiện vật/ mảnh gốm men thời Trần, gồm: (1) Gốm men ngọc, có 185 hiện vật/ mảnh thuộc 2 loại hình: bát và âu; (2) Gốm men nâu, có 37 mảnh thuộc hai loại hình bát và âu; (3) Gốm hoa nâu, có tổng cộng 102 hiện vật/ mảnh; chủ yếu gồm 3 loại: thạp, thống và chậu.

- Vật dụng thời Lê Trung hưng: Chủ yếu là đồ gốm men; tổng cộng có 38 mảnh, trong đó, có 21 mảnh bát, 09 mảnh đĩa và 08 mảnh chậu.

2.1.2.3. Vật dụng bài trí và nghi lễ

- Vật dụng bài trí và nghi lễ thời Trần: Chủ yếu là đồ gốm men và 01 di vật bằng kim loại. (1) Đồ gốm men gồm có các loại hình thống, thạp và chậu. *Thạp hoa nâu*: tổng số phát hiện được 27 hiện vật/ mảnh, trong đó có một hiện vật/ mảnh được ghép bởi 158 mảnh vỡ khác nhau, các hiện vật/ mảnh còn lại được ghép từ 1 đến 5 mảnh. Thạp ở An Sinh có 2 loại. *Thống*: đã tìm thấy ít nhất 3 hiện vật/ mảnh khác nhau. Dựa vào hình dáng, có thể chia các hiện vật/ mảnh này thành hai loại; (2) Đồ Kim loại: Chỉ có một phiên bản là Tượng chim phượng, tượng cao 3cm, dài 5,5cm, rộng 1,5cm.

- Vật dụng bài trí và nghi lễ thời Lê - Nguyễn: Gồm (1) *Tượng hậu*: chất liệu đá xanh; đã bị mất đầu; được tạc ở tư thế tọa thiền trên bệ vuông, mặc áo giao lĩnh, đeo đai, mặt đai có khắc hình rồng, áo trùm kín đùi, chân, hai tay đan vào nhau, tay áo phủ kín tay. Họa tiết hình rồng cùng với loại hình trang phục cho phép khẳng định niên đại của pho tượng là thời Lê Trung hưng; (2) *Bia đá*, gồm 03 bia; nội dung văn bia chủ yếu nhắc đến việc các chúa Trịnh ra sắc cho người dân An Sinh làm dân tạo lệ, được miễn thuế để bảo vệ và thờ tự các hoàng đế nhà Trần, ngày giỗ và vị trí các khu lăng mộ của các vị hoàng đế, hoàng hậu, công chúa, vị trí và số lượng các thừa ruộng thờ cúng...

2.2. Thái Miếu

2.2.1. Kiến trúc đã xuất lộ tổng cộng 38 dấu vết công trình kiến trúc có niên đại thời Trần gồm: 24 mặt bằng kiến trúc (KT), 12 khoảng sân vườn (Sn), 01 dấu vết đường đi (Đg) và 01 bậc cấp (BT) với 3 giai đoạn như sau:

2.2.1.1. Giai đoạn kiến trúc thứ nhất, gồm có 20 công trình trong đó có 13 đơn nguyên kiến trúc (KT), 05 sân vườn (Sn), 01 đường đi (Đg) và 01 bậc tam cấp (BT). Chia thành hai khu vực trung tâm và ngoại vi; trong đó, khu vực trung tâm chia thành 3 phân khu, gồm:

- *Tiền đường*: gồm 4 đơn nguyên kiến trúc và 2 khoảng sân; *KT01* - có dấu vết của 32 móng trụ và bó nền. Diện tích mặt bằng 429m² (dài 34,6; rộng 12,4), cấu trúc gồm 5 gian, 2 chái, 8 hàng cột; mỗi hàng 4 cột; *KT02* - kết nối và vuông góc với *KT01* ở gian giữa; có mặt bằng hình chữ nhật chạy dài theo chiều Bắc Nam, diện tích 104m² (dài 10,4m; rộng 10m), kết cấu 3 gian, 3 hàng cột, mỗi hàng 4 cột; *KT03A* và *KT03B* - nằm song song và cách *KT02* qua sân S11 và S12 về phía Tây - Đông; có mặt bằng hình chữ nhật, diện tích 62m² (dài 10m; rộng 6,2m), kết cấu 3 gian, 4 hàng cột, mỗi hàng 2 cột;

Sân vườn - có 2 khoảng sân vườn nằm xen cài với các kiến trúc, tạo không gian cảnh quan cho kiến trúc. Có mặt bằng hình chữ nhật, chạy dài theo chiều Bắc Nam, diện tích 50m² (dài 10m, rộng 5m); trong các sân đều có hệ thống cống thoát nước chảy ngầm dưới nền kiến trúc để thoát nước ra hai bên.

- *Trung Đường*: là khu vực có 1 đơn nguyên kiến trúc (*KT04*); có mặt bằng hình chữ nhật chạy dài theo chiều Đông - Tây, diện tích mặt bằng 543,2m² (dài 34,6m; rộng 15,6m), kết 7 gian 2 chái, 10 hàng cột. Gian giữa có khoảng bước gian 4,5m; các gian bên có khoảng bước gian 4,2m, hai chái rộng 1,5m. Khoảng cách giữa hai cột cái trong một vòm là 6,8m; giữa cột cái đến cột quân là 3,2m.

- *Hậu Đường*: là một tổ hợp gồm 7 đơn nguyên kiến trúc và 3 khoảng sân kết nối nối liền hoàn với nhau và với các kiến trúc ở Trung Đường; *KT05* - có mặt bằng hình chữ nhật chạy dài theo chiều Bắc - Nam, diện tích 79,12m² (dài 9,2m; dài 8,6m); *KT06A* và *KT06B* - có mặt bằng hình chữ nhật, diện tích 57,04m² (dài 9,2m, rộng 6,2m); *KT07* - có mặt bằng hình chữ nhật chạy dài theo chiều Đông - Tây, diện tích 287,18m² (dài 34,6m; rộng 8,3m) với cấu trúc 9 gian, 10 hàng cột, mỗi hàng 5 cột; *KT08A* và *KT08B* - có mặt bằng hình chữ nhật, diện tích 30,38m² (dài 4,9m; rộng 6,2m), kết cấu 1 hàng cột ở giữa;

KT09 - có mặt bằng hình chữ nhật chạy dài theo chiều Đông - Tây, , diện tích 287,18m² (dài 34,6m, rộng 8,3m), cấu trúc 9 gian, 10 hàng cột, mỗi hàng 4 cột; *Sân vườn* - có 3 khoảng sân vườn nằm xen giữa các kiến trúc tạo không gian và cảnh quan cho kiến trúc; trong đó, hai sân có mặt bằng hình chữ nhật, diện tích 62,56m² (rộng 6,8m; dài 9,2m), trong lòng sân có 3 bồn hoa hình vuông, bố nền được xây xếp bằng gạch hoặc ngói; một sân còn lại cũng có mặt bằng hình chữ nhật, diện tích 102,12m² (dài Đông - Tây 22,2m, rộng Bắc - Nam 4,6m); giữa sân có một bồn hoa lớn, hình chữ nhật, rộng Bắc - Nam 2m; rộng Đông - Tây 19,6m. Bồn hoa được phân thành nhiều ô với chiều rộng mỗi ô theo chiều Đông - Tây là 1m. Bồn hoa được xếp bằng 1 hàng ngói nghiêng.

Dấu vết đường đi - được tìm thấy ở phạm vi từ chân đồi phía Nam nối với gian chính giữa của KT01 ở khu Tiền Đường. Dấu vết còn lại của đường đi có kích thước: dài Bắc - Nam 1,2m; rộng Đông - Tây 4,5m, bao gồm bố nền và phần mặt đường.

Hữu vu - Ở đầu hồi phía Tây của đơn nguyên kiến trúc KT04 có có một kiến trúc có mặt bằng hình chữ nhật, chạy dài theo chiều Bắc Nam, liền sát với KT04, cách KT04 khoảng 0,45-0,50m. Được ký hiệu là KT10, diện tích mặt bằng 144,76m² (dài Bắc - Nam 15,4m; rộng Đông - Tây), kết cấu 5 gian, 4 hàng cột.

2.2.1.2. Giai đoạn kiến trúc thứ hai: có tổng cộng 30 công trình gồm 12 đơn nguyên kiến trúc, 05 khoảng sân, đường đi là những công trình kế thừa từ giai đoạn thứ nhất. Có 02 đơn nguyên được xây mới là hành lang phía Đông và Hành lang phía Tây và 05 khoảng sân vườn và 01 bậc cấp.

Hành lang phía Đông (KT20) - kết nối từ đầu hồi phía Đông của KT01 đến đầu hồi phía Đông của KT09. Ở vị trí kết nối với KT01 và KT09, dài 2,9m; rộng 5,1m, chia làm 2 khoảng bước gian, kết cấu vì 2 cột. Phần còn lại dài Bắc - Nam 64,1m; rộng Đông - Tây 5,1m, kết cấu 16 gian, 17 hàng cột, mỗi hàng hai cột, khoảng cách các gian không đồng đều do phải phụ thuộc vào các vị trí kết nối với kiến trúc chính, khoảng cách giữa các cột trong một hàng là 3,6m. Từ kiến trúc hành lang có 2 kết nối với các kiến trúc chính ở vị trí của KT03B và KT05, chia sân nằm giữa kiến trúc với Hành lang phía Đông (KT20) thành 3 khoảng sân nhỏ.

Sân vườn - xen giữa khu kiến trúc trung tâm và Hành lang phía Đông là phần sân vườn. Sân hình chữ nhật, dài Bắc - Nam 53,9m, rộng Đông - Tây 2,9m được chia thành 3 khoảng nhỏ.

Hành lang phía Tây (KT17) - kết nối từ đầu hồi phía Tây của KT01 đến đầu hồi phía Tây của KT09. Ở vị trí kết nối với KT01 và KT09, dài 2,9m; rộng 5,1m, chia làm 2 khoảng bước gian, kết cấu vì 2 cột. Phần còn lại dài Bắc - Nam 64,1m; rộng Đông - Tây 5,1m, kết cấu 16 gian, 17 hàng cột, mỗi hàng hai cột, khoảng cách các gian không đồng đều do phải phụ thuộc vào các vị trí kết nối với kiến trúc chính, khoảng cách giữa các cột trong một hàng là 3,6m. Từ kiến trúc hành lang có 3 kết nối với các kiến trúc chính ở vị trí của KT03A và KT06A và KT07, chia sân nằm giữa kiến trúc với Hành lang phía Tây (KT17) thành 4 khoảng sân nhỏ.

Sân vườn - xen giữa khu kiến trúc trung tâm và hành lang phía Tây là các khoảng sân vườn. Sân hình chữ nhật, dài Bắc - Nam 53,9m, rộng Đông - Tây 2,9m, được chia thành 3 khoảng.

2.2.1.3. Giai đoạn kiến trúc thứ ba

- Các thay đổi trong khu kiến trúc trung tâm: *Khu vực Tiền Đường*, kiến trúc KT02 được mở rộng về hai phía Đông và Tây, chia nhỏ sân vườn Sn11 và Sn12 thành hai phần, kết nối trực tiếp với nhà KT03A và KT03B. Phần còn lại của các khoảng sân được cải tạo và lát nền bằng các khối đá gan gà; *Khu vực Hậu Đường* có hai vị trí được cấu trúc lại, vị trí thứ nhất là kiến trúc KT05 bị phá bỏ, kết nối hai khoảng sân vườn Sn13 và Sn14 với nhau, đồng thời mở rộng bố nền phía Nam của KT07 ra 1,2m; vị trí thứ hai tại khoảng sân Sn15, tại phần chính giữa của sân Sn15 đã cho xây dựng thêm một kiến trúc mới (KT8C) kết nối gian chính giữa của KT07 với gian chính giữa của KT09 tạo thành một “ống muống” nhằm kết nối hai kiến trúc này lại với nhau. KT8C có mặt bằng hình chữ nhật, diện tích 31,85m² (6,5 x 4,9), kết cấu 1 gian, hai hàng cột.

- Các công trình xây mới khu vực ngoại vi: *Tại phía Đông*, một kiến trúc lớn được xây dựng ở phía Đông của hành lang phía Đông, kết nối trực tiếp với các gian giữa của KT20 thuộc hành lang phía Đông, được ký hiệu là KT24. Phần lớn mặt bằng của KT24 đã bị phá hủy do việc cải tạo đền do vậy không xác định cụ thể cấu trúc của KT24. Xen giữa KT24 có hai khoảng sân nhỏ được ký hiệu là Sn25A và Sn25B, hai sân có kích thước bằng nhau, với cấu trúc 2 khoảng sân xen giữa một kiến trúc lớn nó cho thấy sự tiếp tục cấu trúc truyền thống

của kiến trúc tại Thái miếu; Ở phía Nam, ở cả hai bên phía Đông và phía Tây, nơi tiếp giáp với hành lang, đã tìm thấy dấu vết bố nền bằng cuội chạy theo chiều Bắc - Nam, nối liền với bố nền phía Nam của khu Tiền Đường. Dấu vết kiến trúc ở phía Đông là KT27, dấu vết kiến trúc ở phía Tây là KT26. KT26 mới chỉ được làm xuất lộ một phần bố nền phía Tây, phần còn lại chưa được khai quật. KT27 mới được làm xuất lộ một phần bố nền phía Tây dài 5m và dấu vết 1 gia cố móng trụ.

Như vậy, các kiến trúc được xây mới ở khu vực ngoại vi trong giai đoạn 3 mới chỉ được làm xuất lộ một phần hoặc đã bị phá hủy do quá trình canh tác do vậy chưa thể nhận thức rõ mặt bằng tổng thể giai đoạn này.

2.2.2. Di vật

2.2.2.1. *Vật liệu kiến trúc:* tại Thái miếu chỉ tìm thấy vật liệu kiến trúc thời Trần và thời Nguyễn, không thấy vật liệu thời Lê sơ và Lê Trung hưng nào.

- Vật liệu kiến trúc thời Trần, gồm các loại: (1) gạch (vuông; chữ nhật); (2) ngói (mũi sen; mũi lá; úp nóc; ngói lợp diềm mái); (3) chân tảng (đá xanh; đá cuội; đá cát) và một số vật liệu khác sử dụng xây xếp, nền móng, xử lý gia cố nền móng, lợp mái và xây dựng bồn cây và các loại hình cảnh quan khác.

Trang trí kiến trúc - chỉ phát hiện thấy đầu đao (gồm hai loại) không có trang trí. Đồ kim loại - chủ yếu là đỉnh (gồm có 3 loại).

- Vật liệu kiến trúc thời Nguyễn - chủ yếu là gạch (hình chữ nhật) và ngói (ngói mũi sen).

2.2.2.2. Vật dụng hàng ngày

- Vật dụng hàng ngày thời Trần: Chủ yếu là đồ gốm men, thuộc nhiều loại hình thuộc 5 dòng men, gồm: (1) Gốm men trắng - có tổng cộng 145 hiện vật/ mảnh thuộc các loại hình bát, đĩa, chén và âu; (2) Gốm men ngọc - có tổng cộng 20 hiện vật/ mảnh, gồm các loại hình bát, đĩa, âu; (3) Gốm men nâu - trắng: có hai loại hình là bát và đĩa với tổng cộng 35 hiện vật/ mảnh; (4) Gốm men nâu - có tổng cộng 28 hiện vật/ mảnh thuộc các loại hình bát, đĩa và âu; (5) Gốm hoa nâu - chỉ có loại hình chậu, các loại hình khác không tìm thấy; có tổng cộng 11 mảnh (08 mảnh miệng, 03 mảnh thân).

Đồ sành - tìm được không nhiều, nằm tập trung nhiều nhất ở khu vực phía sau, hai bên kiến trúc hành lang. Loại hình bao gồm: chậu, non sành, một số bình lọ; một số mảnh nắp bình, nắp nôi.

- Vật dụng là đồ sứ Trung Quốc: (1) Sứ thời Tống (thế kỷ 12-13), gồm: Sứ men trắng, có tổng cộng 12 mảnh, tất cả đều là mảnh bát, không có loại hình khác; Sứ men ngọc, có tổng cộng 47 mảnh, là mảnh thân, miệng và đáy của bát và đĩa; (2) Sứ thời Nguyên (thế kỷ 14), có tổng cộng 35 mảnh thuộc về hai dòng men trắng và men ngọc; Sứ men trắng, chỉ tìm thấy 1 mảnh bát; Sứ men ngọc, có 34/tổng số 35 mảnh; gồm các loại hình: bát, đĩa và chén.

- Vật dụng thời Lê sơ - phát hiện không nhiều; tổng cộng đã phát hiện 03 mảnh đáy bát men trắng vẽ lam. Đồ sành được tìm thấy khá nhiều, loại hình có số lượng nhiều nhất là lon sành.

- Vật dụng thời Lê Trung hưng: Có tổng cộng 121 mảnh gồm men được phát hiện thuộc 2 dòng men chính là: (1) Gốm men trắng - có 66 mảnh bao gồm các loại hình: bát, đĩa, chậu, nậm rượu và bình vôi; (2) Gốm men trắng vẽ lam - tổng cộng có 45 mảnh gồm men trắng vẽ lam thuộc các loại hình bát, đĩa.

- Vật dụng thời Nguyễn - chủ yếu là bát. Hình dáng, cấu trúc hoa văn của bát cho thấy đây là những loại sản phẩm điển hình của lò Vạn Ninh - Móng Cái. Chắc hẳn là gắn với sự xuất hiện của đình Đốc Trại.

2.2.2.3. *Vật dụng bài trí và nghi lễ*

Chủ yếu có niên đại thời Trần và thời Lê Trung hưng, chưa tìm thấy các di vật cùng loại thời Lê sơ.

- Vật dụng bài trí và nghi lễ thời Trần, gồm: (1) Chân đèn - đã phát hiện 01 chân đèn bằng đất nung trong khoảng sân. Là một khối tròn có dáng hình nón cụt, đường kính đáy rộng 70cm, đường kính chóp 53cm, cao 30cm, mặt ngoài có trang trí hoa văn thủy ba sóng nước, mặt trong tương đối nhẵn. Đèn có kích thước khá lớn và được đặt cố định; do đó, mang ý nghĩa trang trí cảnh quan nhiều hơn là chiếu sáng; (2) Thông - gồm hai tiêu bản, là loại hình gốm men trắng hoa nâu; 01 tiêu bản là loại có kích thước lớn, dáng hình cầu, miệng hơi khum vào, mép miệng bẻ ngang, mặt cắt ngang hình bán nguyệt, men phủ kín cả trong lẫn ngoài, đáy để mộc. Hoa văn trang trí ở mặt ngoài của thân họa tiết trang trí hoa chanh, sen dây và hình rồng; tiêu bản còn lại đã được phục nguyên từ 27 mảnh. Sau khi phục nguyên, thông có kích thước: đường kính miệng 93cm, đường kính đáy 50cm, cao toàn thân 40cm, thân trang trí 4 băng hoa văn, trên cùng tiếp giáp miệng trang trí băng hoa chanh 4 cánh, tiếp theo là 08 con rồng có hình dáng chắc khỏe, phía dưới là sen dây và dưới cùng là băng hoa mai.

- Vật dụng bài trí và nghi lễ thời Lê Trung hưng

CHƯƠNG 3 - GIÁ TRỊ CỦA DI TÍCH ĐỀN MIẾU LIÊN QUAN ĐẾN VƯƠNG TRIỀU TRẦN TẠI ĐÔNG TRIỀU

3.1. Quá trình biến đổi của đền miếu nhà Trần ở Đông Triều

3.1.1. Từ điện An Sinh đến đền An Sinh

3.1.1.1. Điện An Sinh dưới thời Trần

Các tư liệu khảo cổ thu được tại đền An Sinh đã chứng minh, điện An Sinh được xây dựng vào đầu thế kỷ XIII; là một quần thể kiến trúc có quy mô lớn, loại hình khác biệt với kiến trúc cung đình, không có trang trí cầu kỳ như kiến trúc cung điện ở Thăng Long hay kiến trúc lăng tẩm các vua Trần ở An Sinh.

Các loại hình di vật: gạch, ngói, tảng kê chân cột cho thấy, các loại vật liệu thời Trần ở An Sinh có tính chất khá tương đồng với vật liệu ở Thái Miếu; ngói mũi sen có kích thước lớn và không có trang trí; chân tảng có nhiều kiểu loại, trong đó đáng lưu ý có khá nhiều chân tảng cột âm, giống như kiến trúc lớn ở Thái Miếu. Điều này cho thấy, về mặt thời gian, các kiến trúc ở An Sinh được xây dựng tương đương với Thái Miếu.

Các nghiên cứu đã chỉ ra Thái Miếu ban đầu là Tổ miếu do An Sinh vương xây dựng. Việc An Sinh vương được thờ tự ngang hàng với các vua Trần tại đền An Sinh khẳng định vị trí của ông đối với vùng đất này. Với tính chất và quy mô kiến trúc đã xuất lộ tại An Sinh có thể thấy điện An Sinh dưới thời Trần là phủ đệ của An Sinh vương.

Ghi chép của *Đại Việt sử ký toàn thư* cho thấy, dường như sau khi An Sinh vương qua đời, điện An Sinh được triều đình tiếp quản và sử dụng như một hành cung mỗi khi vua Trần về An Sinh bái yết lăng tẩm. Như vậy, dưới thời Trần khu vực đền An Sinh là Phủ đệ của An Sinh vương Trần Liễu và được gọi chung là điện An Sinh, sau khi An Sinh vương qua đời, phủ đệ được triều đình sử dụng như một hành cung với trung tâm là điện An Sinh. Các vua và An Sinh vương không được thờ tự tại điện An Sinh mà được thờ tự tại Thái Miếu, tức Đền Thái.

3.1.1.2. Điện An Sinh dưới thời Lê

Dấu vết thời Lê sơ ở đền An Sinh khá mờ nhạt, không tìm thấy vật liệu kiến trúc của thời Lê sơ.

Dưới thời Lê Trung hưng, ít nhất từ thế kỷ XVIII trở về sau điện An Sinh là nơi thờ 4 vị vua Trần: Anh Tông, Minh Tông, Dụ Tông, Nghệ Tông và An Sinh vương Trần Liễu với miếu hiệu là Khâm Minh

Thánh vũ Hiến đạo An Sinh hoàng đế. Việc thờ tự này được duy trì kéo dài cho đến thời Nguyễn.

3.1.1.3. Điện An Sinh từ thời Nguyễn đến nay

Bản vẽ mặt bằng đền An Sinh trong sách *Trần triều thánh tổ các xứ địa đồ* cho thấy, dưới thời Nguyễn, đền An Sinh là quần thể kiến trúc lớn gồm 3 đơn nguyên kết nối liên hoàn với nhau thành hình chữ công, phía trước có kiến trúc 5 gian, hai tầng mái và xung quanh có hai lớp tường bao.

Bản vẽ đầu thế kỷ XX cho thấy, đền An Sinh có diện mạo rất khác so với bản vẽ trong sách *Trần triều thánh tổ các xứ địa đồ*. Lúc này, đền An Sinh đã được “tích hợp” một số công trình với các chức năng riêng biệt, trong đó đền An Sinh là công trình chính gồm 3 đơn nguyên kiến trúc theo cấu trúc Tiền Tế, Trung Đường và Hậu Đường, mỗi tòa có cấu trúc 5 gian. Khu thờ Công chúa Chiêm Thành nằm ở phía Đông Nam, trong khuôn viên của khu đền, có mặt bằng hình chữ Đỉnh. Khu Văn chỉ nằm ở góc Tây Bắc, là một cụm gồm 3 công trình. Phía ngoài khu đền và Văn chỉ có thêm một lớp tường bao bao quanh tạo thành khu vực đền có mặt bằng gần vuông.

Tư liệu văn bia cho biết, năm Thiệu Trị 4 (1844), đền được trùng tu. Nội dung thờ tự trong đền có điều chỉnh, từ 4 thành 8 vị vua. Cấu trúc thờ tự này được duy trì đến khi An Sinh được dùng làm Trường học sinh Miền nam. Từ năm 1958-1975, khu vực điện An Sinh trở thành Trường học sinh Miền Nam tập kết ra Bắc và thường được gọi với tên *Trường học sinh miền Nam Đông Triều*, đền An Sinh, Văn Chỉ, và khu thờ Công chúa Chiêm Thành bị phá hủy để lấy mặt bằng xây dựng trường lớp. Từ năm 1997-2000 đền được tôn tạo và xây dựng lại trên khu vực nền điện cũ và đặt tượng thờ phụng 8 vị vua như hiện tại.

3.1.2. Từ Thái Miếu đến Đền Thái

3.12.1. Thái Miếu dưới thời Trần

Giai đoạn đầu tiên, Thái Miếu gồm 4 tòa kiến trúc lớn nằm ngang theo chiều Đông - Tây, mỗi tòa mặt bằng rộng trung bình từ 420m² đến 543m², trong đó tòa ở giữa có diện tích lớn nhất là 543m². Các tòa được kết nối liên hoàn với nhau bằng các kiến trúc kiểu ống muống ở gian giữa và các kiến trúc kiểu hành lang kết nối các gian đầu hồi, tạo thành một trường lang khép kín. Xen giữa các kiến trúc là các khoảng sân vườn, ở giữa các khoảng sân vườn thấy dấu vết của những bồn cây, điều đó cho thấy tại các sân vườn còn trồng các loại cây để tạo cảnh quan; hai bên có kiến trúc kiểu tả vu, hữu vu.

Giai đoạn thứ hai, kiến trúc của Thái Miếu có quy mô lớn nhất, bố cục hài hòa nhất. Do quá trình sử dụng, nhu cầu không gian thờ tự, nhất là khi An Sinh vương mất, Hoàng gia tiếp quản và chuyển đổi thành Thái Miếu của Hoàng gia thì nhu cầu không gian thờ tự và lễ nghi tăng lên, Thái Miếu đã được mở rộng. Bốn kiến trúc chính và các kiến trúc ống muống và hành lang ở giữa được giữ nguyên; kiến trúc tả vu và hữu vu được phá đi để xây dựng hành lang mới và sân vườn ra hai phía Đông Tây. Hành lang mới tạo thành một trường lang dài bao bọc lấy các kiến trúc cũ tạo thành một tổ hợp kiến trúc liên hoàn.

Giai đoạn thứ ba là thời kỳ một số công trình kiến trúc nhỏ, nhất là các ống muống được cải tạo, một số kiến trúc mới được xây mới ở khu vực sân phía trước còn các kiến trúc lớn được xây dựng từ giai đoạn thứ nhất và thứ hai vẫn được duy trì.

Như vậy, dưới thời Trần ban đầu Thái Miếu do An Sinh vương xây dựng tại Thái ấp của mình; sau khi An Sinh vương qua đời, Thái Miếu trở thành Thái Miếu của vương triều Trần và An Sinh vương cũng được thờ phụng tại đây. Việc thờ phụng này được kéo dài ít nhất đến hết thời Trần.

2.3.3.2. Thái Miếu dưới thời Lê

Dưới thời Lê, đặc biệt là giai đoạn đầu thời Lê sơ, Thái Miếu có lẽ vẫn tồn tại nhưng việc thờ phụng và đặc biệt duy tu đã không được thực hiện nên kiến trúc dần dần bị mai một. Dưới thời Lê Trung hưng, tại điện An Sinh, một tòa điện mới được xây dựng làm nơi thờ phụng các vua và An Sinh vương, việc thờ tự ở Thái Miếu và các lăng tẩm được quy tụ về điện An Sinh nhưng nền móng công trình và cảnh quan của Thái Miếu vẫn được duy trì. Vì vậy, có lẽ địa danh Đền Thái xuất hiện nhằm chỉ nơi vốn là Thái Miếu.

2.3.3.3. Thái Miếu từ thời Nguyễn đến nay

Dưới thời Nguyễn, Thái Miếu không còn tồn tại, thậm chí nền móng cũng chưa hẳn còn được đầy đủ, nguyên vẹn nhưng khu vực này vẫn được tiếp tục gọi là Đền Thái. Trên vị trí của Thái Miếu, dân làng Đốc Trại cho xây dựng đình Đốc Trại, có mặt bằng hình chữ “Nhất” (一), diện tích 77,9m² (11,6m x 6,8m), kết cấu 3 gian theo kiểu đầu hồi bít đốc, hiên trước rộng 2m, nội lòng rộng 4,3m, tường xây gạch, mái lợp ngói mũi sen, bờ nóc và trụ hồi được bó bằng vữa. Đình thờ 8 vị vua nhà Trần làm thành hoàng của làng. Năm 1947 đình bị bom phá hủy nhưng khu vực này vẫn được bảo vệ như một khu vực thiêng. Đến

cuối thập niên 70, khi cộng đồng cư dân Trại Lốc chủ yếu là người Hoa hồi hương thì khu vực này bị bỏ hoang hoàn toàn. Năm 1993, dân làng Trại Lốc xây dựng miếu mới và trở thành nơi sinh hoạt tâm linh của làng. Năm 2016 Thái Miếu được khôi phục lại, công trình mới được xây dựng ở phía sau nền móng Thái Miếu thời Trần, hiện là nơi thờ phụng 14 vị vua Trần bao gồm 12 vị vua triều Trần và 2 vị vua thời Hậu Trần; song, công trình xây dựng năm 1993 vẫn được duy trì.

3.2. Giá trị lịch sử

3.1.1. Di tích, di vật tại điện An Sinh và việc nhận thức đặc trưng di tích, di vật thời Trần

Về mặt cảnh quan, kết quả điều tra và khai quật cho thấy, dưới thời Trần, điện An Sinh là một quần thể kiến trúc phân bố trên một không gian rộng lớn. Các công trình được xây dựng trên địa hình cao dần từ Nam xuống Bắc, trong đó quần thể kiến trúc đã xuất lộ trong khuôn viên đền hiện nay nằm ở vị thế cao nhất. Các công trình ở khu vực Đồng Sinh được xây dựng ở địa hình thấp hơn. Xen kẽ giữa các công trình có cảnh quan ao, hồ. Có thể nói, An Sinh được xây dựng trên một không gian có địa hình tương đối bằng phẳng, thuận tiện kết nối giao thông. Cấu trúc này phù hợp với không gian cư trú hơn là một không gian lễ nghi có tính linh thiêng.

Khác với điện An Sinh, Thái Miếu được xây dựng trên một ngọn đồi khá tách biệt với xung quanh. Suối Phủ Am Trà từ Bảo Đài chảy qua khu vực này uốn lượn từ phía Đông sang Tây, phía trước là một khu đầm rộng lớn, tạo thành thể minh đường tụ thủy. Núi Bảo Đài phía sau tạo thành hậu chẩm vững chãi. Đặc điểm địa thế đẹp về phong thủy của Thái Miếu và khu vực xung quanh khiến cho nhà Trần đã chọn khu vực này làm nơi xây dựng lăng tẩm.

- Mặt bằng kiến trúc

Thái Miếu nhà Trần tại Đông Triều là công trình Thái Miếu duy nhất hiện biết được đầy đủ mặt bằng. Theo đó, Thái Miếu là một quần thể kiến trúc gồm nhiều đơn nguyên kết nối liên hoàn, khép kín, trong đó 4 đơn nguyên chính xếp song song tạo thành nhiều lớp, 3 đơn nguyên trước có phần ống mông kết nối với nhau ở gian giữa tạo thành cấu trúc có mặt bằng hình chữ Vương (王), đơn nguyên còn lại cách khối công trình thứ nhất qua một khoảng sân. Xung quanh có trường lang kết nối và khép kín.

Mặt bằng tổng thể của khu trung tâm điện An Sinh có cấu trúc khá giống với mặt bằng của Thái Miếu với cấu trúc các đơn nguyên chính xếp song song tạo thành nhiều lớp, trường lang hai bên kết nối liên hoàn khép kín bao bọc lấy các đơn nguyên chính, các hành lang vừa đóng vai trò là trục giao thông kết nối các đơn nguyên với nhau đồng thời là tường ngăn, ngăn cách không gian bên trong với bên ngoài.

Mặc dù có cấu trúc tương đồng nhưng xét về mật độ và quy mô công trình Thái Miếu và điện An Sinh có những khác biệt. Với tư cách là cung điện, điện, đơn nguyên kiến trúc ở An Sinh có quy mô lớn hơn so với Thái Miếu.

Cấu trúc mặt bằng của Thái Miếu và điện An Sinh tương đồng nhau, chỉ có một thức mặt bằng là mặt bằng hình chữ nhật, chưa tìm thấy hình thức mặt bằng khác. Các mặt bằng có chữ nhật có cấu trúc vì khác nhau: vì hai cột, vì 4 cột.

Điểm đặc biệt nổi bật của các kiến trúc ở cả Thái Miếu và điện An Sinh là bộ mái kiến trúc của các công trình này không có trang trí. Không có bất kỳ mảnh trang trí kiến trúc nào được tìm thấy ở đây.

Bên cạnh công trình, cảnh quan và tiểu cảnh cũng được đặc biệt chú trọng. Tại Thái Miếu, hầu hết các khoảng sân đều không được lát, giữa có những bồn cây hình vuông. Như vậy cơ bản các khoảng sân là những khoảng vườn nhỏ đan xen giữa kiến trúc, nó không có công năng của một cái sân theo nghĩa có những hoạt động trên không gian này. Tại điện An Sinh có sự đan xen, có những khoảng sân không được lát và có các bồn cây, tiểu cảnh được xếp bằng cuội hoặc đặt những chậu lớn để trồng cây.

- Về vật liệu và kỹ thuật sử dụng vật liệu

Ở Thái Miếu, cuội được sử dụng làm vật liệu xây dựng bó nền, lát sân, đường đi, làm tiểu cảnh ở sân vườn và tầng kê cột. Tầng kê cột bằng cuội thường là những viên cuội kích thước lớn, có một mặt phẳng, được dùng làm tầng kê cột âm. Ở điện An Sinh, cuội được dùng làm tiểu cảnh, sân vườn, chưa tìm thấy đường đi.

Đá xanh sử dụng hạn chế, cả ở Thái Miếu và điện An Sinh tìm thấy rất ít tầng kê chân bằng đá xanh. Các tầng kê này chủ yếu nằm trong những phần cái tạo điều chỉnh của kiến trúc, tức thường là những vật liệu đưa vào khi cải tạo, sửa chữa. Đá cát được sử dụng phổ biến và đa dạng về công năng. Hầu hết chân tầng được làm bằng đá cát. Đá cát là nguyên liệu chế tạo tầng kê cột âm và tầng kê cột dương. Tại Thái Miếu, một số tầng được chạm khắc hoa sen. Điện An Sinh chưa tìm

thấy loại tảng có chạm khắc hoa sen. Ngoài làm vật liệu chế tạo tảng kê, đá cát tham gia làm vật liệu lát nền, bậc cấp và thành bậc và cả bề thờ.

Vật liệu đất nung bao gồm các loại gạch và ngói. Kiến trúc Thái Miếu và kiến trúc điện An Sinh được lợp bằng ngói sen và ngói mũi lá. Gạch có gạch vuông và gạch hình chữ nhật. Ở điện An Sinh, gạch sử dụng lát sân và lát nền kiến trúc. Gạch vuông rất hiếm gặp ở Thái Miếu trong khi các nền kiến trúc được bảo tồn khá tốt, điều này cho thấy có thể nền kiến trúc của Thái Miếu là nền đất nện, không được lát. Gạch chữ nhật có nhiều công năng, dùng để lát nền cùng với gạch vuông, đặc biệt là dùng để xây xếp bó nền, đôi khi dùng xếp tiêu cảnh. Ở Thái Miếu, những kiến trúc quan trọng bó nền đều được xây xếp bằng gạch chữ nhật, bó nền hành lang, các kiến trúc ít quan trọng hơn thường được xếp bằng cuội.

- Kỹ thuật sản xuất vật liệu và kỹ thuật xây dựng

Giá trị nổi bật về kỹ thuật mà thông tin từ các di tích đền miếu liên quan đến nhà Trần là kỹ thuật xử lý móng công trình và kỹ thuật cột âm. Việc sử dụng rộng rãi kỹ thuật kiến trúc cột âm thời Lý ở Thái Miếu và điện An Sinh đã phần nào phản ánh niên đại của công trình. Điều này càng được khẳng định khi tại Thái Miếu kỹ thuật Cột âm chỉ được sử dụng ở những kiến trúc thuộc giai đoạn thứ nhất, giai đoạn thứ hai hoàn toàn không thấy xuất hiện kỹ thuật này trong khi tại điện An Sinh kỹ thuật này bắt gặp ở hầu khắp kiến trúc lớn ở khu trung tâm. Không bắt gặp ở các kiến trúc phát hiện tại Đồng Sinh.

Kỹ thuật xử lý và gia cố nền móng vẫn được duy trì theo theo phương pháp đầm từng lớp một cách cân trọng kỹ càng của thời Lý, ngay kê cả trên nền đất cứng của Thái Miếu, các móng trụ được làm rất kiên cố, sâu 1,2m và được đầm chặt từng lớp. Các kiến trúc giai đoạn sau ở Thái Miếu và cả điện An Sinh, kỹ thuật đã thay đổi theo hướng ngày càng thông minh hơn, móng được đầm từng lớp, quy mô móng phù hợp với yêu cầu tải trọng của công trình.

3.1.2. Vị trí và vai trò của điện An Sinh và Thái Miếu trong hệ thống di tích thời Trần tại Đông Triều

Nhiều người cho rằng Thái Miếu là tâm điện trung tâm của các lăng. Tất cả các hoạt động bài yết lăng tâm sẽ được thực hiện tại đây. Điều này có thể đúng khi triều đình tiếp thu Thái Miếu. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, điện An Sinh được nhà Trần cho xây dựng làm nơi thờ các vị vua Trần có lăng ở khu vực An Sinh. Những kết quả

khảo cổ tại điện An Sinh đã khẳng định, điện An Sinh xây dựng dưới thời Lê Trung hưng được xây dựng trên khu trung tâm Phủ đệ của An Sinh Vương.

Điện An Sinh đến thời Lê sơ cơ bản đã bị mai một. Tư liệu khảo cổ học cho thấy, dấu vết thời Lê sơ ở điện An Sinh và Thái Miếu đều rất mờ nhạt, nó phản ánh, dưới thời An Sinh, hầu như không có các hoạt động nào được thực hiện tại đây. Có lẽ nó được bảo vệ như một khu Sơn lăng cấm địa, tình trạng này kéo dài cho đến thời Lê Trung hưng khi Nhà Lê cho xây dựng nơi thờ tự các vua Trần trên nền cũ trung tâm điện An Sinh.

Giữa thế kỷ XVIII Phật giáo Trúc Lâm được phục hưng, lúc này các vua Lê, chúa Trịnh đã sắc chỉ cho dân làng An Sinh được làm dân tạo lệ và có nhiệm vụ trông coi lăng tẩm, đền miếu và thờ phụng của các vua Trần. Thời điểm đó, tại khu trung tâm của điện An Sinh, phủ đệ cũ của An Sinh vương một điện mới được xây dựng làm nơi thờ phụng An Sinh vương và 4 vị vua Trần. Việc khôi phục điện An Sinh tại vị trí trung tâm của điện An Sinh xưa thay vì khôi phục Thái Miếu bởi khu vực Thái Miếu và lăng tẩm lúc này là rừng già (?). Từ đó tại An Sinh việc thờ phụng các vua nhà Trần được thực hiện và duy trì. Điện An Sinh được gọi thành đền An Sinh.

3.1.3. Từ đền miếu nhìn về cấu trúc xã hội Đại Việt thời Trần

Đối với các triều đại phong kiến Việt Nam, việc xây dựng lăng tẩm và Thái Miếu được coi là việc làm quan trọng, nhất là từ khi Nho giáo được đề cao và chế độ tập quyền được củng cố.

Năm Kỷ Mùi, niên hiệu Thuận Thiên năm thứ 10 (1019), nhà Lý cho xây dựng Thái Miếu ở phủ Thiên Đức. Tuy nhiên, Thái Miếu không được xây dựng ở Kinh đô mà được xây dựng tại Thiên Đức - quê hương của nhà Lý.

Nhà Trần, sau khi tiếp nhận thiên hạ từ nhà Lý bằng cuộc hôn nhân giữa vua Lý Chiêu Hoàng và Thái Tông Trần Cảnh, nhà Trần kế thừa các thành quả mà nhà Lý đã đạt được trước đó, tiếp tục xây dựng đất nước theo mô hình quân chủ Phật giáo thân dân, lấy tư tưởng Phật giáo làm chủ đạo trong sự hài hòa với Nho giáo, Đạo giáo và các tín ngưỡng khác. Nhà Trần đã định rõ việc phong tước cho hoàng thân; đi cùng với việc phong tước là chế độ bổng lộc. Thống kê chưa đầy đủ, có 65 người được vương triều Trần phong tước Vương và Đại Vương, 14 trong số đó được phong Thái ấp/ ấp thang mộc, phần lớn những người được phong thái ấp là các vị Đại vương.

Khác với những triều đại khác, dưới vương triều Trần, thái ấp khá độc lập với Triều đình, nó giống như một “tiểu quốc”. Các vương hầu nhà Trần đều có phủ đệ riêng tại thái ấp của mình, khi có việc về châu tại kinh sư, xong việc lại về phủ đệ của mình.

Ngoài ra, các vương hầu còn được phép lập điền trang, thu thập dân nghèo để khẩn hoang. Mỗi điền trang, thái ấp là một đơn vị có tính độc lập tương đối với triều đình trung ương, các phủ đệ đều có dân, có quân đội (gia binh) và tài chính độc lập. Do vậy, trong mỗi phủ đệ ngoài nơi ở của chủ nhân còn có các công trình tín ngưỡng, tôn giáo. Dưới thời Trần, Thái Miếu không chỉ được xây dựng ở kinh đô mà Thái Miếu còn được xây dựng tại phủ đệ của các vương hầu, quý tộc nhà Trần.

Như vậy, có thể thấy do những khác biệt về mô hình tổ chức nhà nước, hệ tư tưởng và văn hóa, với đặc trưng là nhà nước quân chủ Phật giáo thân dân, lấy tư tưởng Tam giáo (Nho - Phật - Đạo) cùng đồng hành phát triển. Do vậy, Tông miếu không chỉ được xây dựng ở Kinh đô như quan niệm của Nho giáo mà còn được xây dựng ở các phủ đệ của các vương hầu quý tộc, đồng thời việc thờ tự cũng vì thế không chỉ là trách nhiệm của vua mà của tất cả vương hầu trong tông thất.

Như vậy, có thể thấy, Thái Miếu và điện An Sinh là những ví dụ sinh động giúp chúng ta hiểu về cấu trúc quyền lực của Nhà Trần, theo đó một cách thực tế quyền lực của vương triều đã được phân chia cho tầng lớp vương hầu quý tộc song không vì thế mà quyền lực trung ương của vua Trần bị giảm sút hoặc hạn chế mà cấu trúc quyền lực này tạo động lực và là chất keo liên kết giữa các thành viên trong hoàng tộc, trong cấu trúc quyền lực ấy vua giữ vai trò là trung tâm, dẫn dắt.

Dấu vết điện An Sinh, Thái Miếu là minh chứng cho giả thuyết khác với các vương hầu khác, An Sinh vương thực sự là vương của vùng An Sinh. Về mặt quy mô của Thái ấp, chưa có vị nào có thái ấp rộng lớn như An Sinh vương.

Về quy mô, cấu trúc của phủ đệ và cung điện, mặc dù chưa có điều kiện khai quật và làm rõ các thành tố phủ đệ của An Sinh nhưng những dấu vết hiện biết, chúng ta có thể thấy, quy mô phủ đệ của An Sinh vương là rất lớn. Về cấu trúc, rõ ràng không thể so sánh với hoàng cung Thăng Long nhưng những dấu vết kiến trúc đã xuất hiện tại khu vực Đồng Sinh và khuôn viên điện An Sinh cho thấy, quy mô của cung điện không thua kém các dấu vết điện lớn nhất của nhà Trần đã phát hiện tại Thăng Long. Điểm khác biệt duy nhất và quan trọng nhất có

lẽ là kiến trúc phủ đệ của An Sinh vương tuyệt đối không được trang trí lộng lẫy như cung điện hoàng gia nhà Trần, đặc biệt là những hình ảnh mang tính biểu tượng quyền lực như rồng, phượng.

Quy mô to lớn của Thái Miếu ở An Sinh và những ghi chép về việc Thái Miếu được xây dựng ở các phủ đệ của vương hầu quý tộc cho thấy, nhà Trần thực sự rất coi trọng việc thờ cúng tổ tiên, việc tế lễ tại tông miếu, lăng tẩm là nghi lễ quan trọng, những sự kiện được sử cũ ghi chép về việc các vua về bái yết lăng tẩm, báo công ở Thái Miếu và những di tích đền miếu cho thấy rõ điều đó. Do đó có thể nói, Thái Miếu thể hiện cấu trúc quyền lực của vương triều Trần.

3.2. Giá trị văn hóa và di sản

3.2.1. Giá trị vật thể

Di tích đền miếu liên quan đến vương triều Trần tại Đông Triều là những di sản vật thể có giá trị tiêu biểu. Mặc dù Thái Miếu và điện An Sinh thời Trần không còn dấu tích hiện tồn trên mặt đất, tất cả đều là những phế tích bị chôn vùi dưới lòng đất; các dấu tích trùng tu, tu bổ, tôn tạo của các thời kỳ sau cũng ở tình trạng tương tự như thời Trần nhưng những dấu vết đã được khảo cổ làm xuất lộ và những dấu tích chưa được xuất lộ là những di sản vật thể quan trọng, là minh chứng sống động cho lịch sử văn hoá thời Trần nói chung, vị trí của Đông Triều trong lịch sử nhà Trần nói riêng.

Những dấu vết kiến trúc tại An Sinh và Thái Miếu đã được khai quật và chưa được khai quật là di sản phản ánh vị trí và vai trò của vùng đất An Sinh - Đông Triều trong lịch sử nhà Trần.

3.2.2. Giá trị phi vật thể

Thái Miếu và lăng tẩm ở Đông Triều thể hiện vương triều Trần đặc biệt tôn trọng tư tưởng và truyền thống thờ cúng tổ tiên, truyền thống đó tiếp tục được bồi đắp và củng cố bởi quan điểm tông tộc của Nho giáo. Nho giáo và Phật giáo là hệ tư tưởng mà nhà Trần hết sức coi trọng. Sự áp dụng linh hoạt điển chế cho phép nhà Trần tạo ra mối liên kết thân tộc, gắn bó cả quyền lợi vật chất với quyền lợi tinh thần, đảm bảo cấu trúc quyền lực của nhà Trần được gắn kết và duy trì.

Hiện không có tư liệu trực tiếp nào cho biết dưới thời Lê sơ việc trông coi lăng tẩm và thờ phụng các vua được tiến hành như thế nào nhưng các nghiên cứu cho thấy, vương triều Lê sơ rất coi trọng việc thờ phụng các vua triều trước. Những hoạt động trông coi và thờ phụng tiên triều được quy định chặt chẽ trong Hình thư.

Việc các triều đại quan tâm, xây dựng đền miếu, gìn giữ lăng tẩm và duy trì việc thờ phụng các vua Trần tại Đông Triều phản ánh tinh thần tôn kính tiền nhân, nguồn cội, thông qua đó giáo hóa dân chúng là một trong những nét đẹp tinh thần, qua đây có thể học hỏi và phát huy trong các xã hội nhằm duy trì các giá trị đạo đức và đoàn kết cộng đồng.

Cách thức tổ chức, quản lý, vận hành và duy trì di tích của các triều đại cho chúng ta những bài học về quản lý di tích. Nhà nước không quản lý trực tiếp di tích mà trao quyền đó cho người dân và chính quyền địa phương. Trước khi trao cho người dân và chính quyền làng xã nhiệm vụ, triều đình đã trao cho họ một cái Danh, là dân Tào lệ. Việc được triều đình trao cho một cái danh không chỉ quan trọng vì đi cùng với nó là lợi ích mà hơn hết đó là niềm vinh dự. Chính sự vinh dự đó là động lực giúp cho cộng đồng càng có trách nhiệm trong việc thực hiện nghĩa vụ của mình với tâm thế hết sức tự hào.

Các hoạt động lễ nghi lớn tại Thái Miếu khi còn là Thái Miếu của An Sinh vương do đích thân An Sinh vương chủ trì thực hiện. Khi triều đình tiếp quản, việc thực hiện các nghi lễ quan trọng do hoàng đế chủ trì. Tại đền An Sinh, theo sắc chỉ của vua lê, hoạt động phụng sự và lễ nghi do quan viên và nhân dân bản xã thực hiện. Theo văn bia Trần triều bi ký; thần tích thần sắc xã An Sinh và hương ước của làng An Sinh, lễ nghi tại đền Sinh gồm lễ kỵ của các vua, ngày lễ kỵ của người được bầu hậu và ngày sóc vọng.

Nguồn lực tài vật phục vụ cho việc thờ phụng tại điện An Sinh dưới thời Lê và Thời Nguyễn trích từ nguồn thu của đất của đền, đất bầu hậu. Nhờ có nguồn lực lớn cộng thêm trách nhiệm và vinh hạnh, nên việc thờ phụng được duy trì, công trình được thường xuyên tu bổ sửa chữa.

Lễ hội điện An Sinh được tổ chức thường niên với sự tham gia của cộng đồng nhiều làng xã. Hiện chưa khảo cứu được lễ hội khởi nguồn khi nào; các tư liệu sớm nhất liên quan đến lễ hội của điện An Sinh hiện biết là các tư liệu thu thập được qua cuộc điều tra di tích lịch sử do Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp tại Hà Nội tiến hành tại Đông Triều năm 1938. Như vậy, qua các tư liệu này có thể thấy, lễ hội đền An Sinh là lễ hội cấp vùng do làng (xã) An Sinh chủ trì, các làng thờ các vua Trần làm thành hoàng đều tập trung về An Sinh.

KẾT LUẬN

1. Kết quả điều tra, nghiên cứu khảo cổ học, kết hợp với việc khảo cứu các nguồn sử liệu cho phép xác định, tại Đông Triều hiện đã xác định có hai di tích đền miếu liên quan đến vương triều Trần. Mỗi di tích đều có lịch sử phát triển riêng gắn với quá trình phát triển của vương triều Trần, cũng như vị trí và vai trò của vùng đất An Sinh đối với vương triều Trần.

Thái Miếu (trước đây gọi là Đền Thái) là công trình do An Sinh vương cho xây dựng khi ông về cai quản vùng đất An Sinh, đây là nơi thờ phụng tổ tiên nhà Trần và Thái tổ Trần Thừa. Đó là Thái Miếu thuộc phủ đệ của An Sinh vương, giống như Thái Miếu được xây dựng trong phủ đệ của Trần Nhật Duật được Trần Phú, sử giả nhà Nguyên mô tả. Sau khi An Sinh mất, triều đình nhà Trần tiếp thu, duy trì, mở rộng Thái miếu của vương triều, là nơi thờ phụng tổ tiên và các vua nhà Trần tại quý hương An Sinh. Khi nhà Hồ lên thay nhà Trần rồi đất nước bước vào 20 năm Minh thuộc, lãng tằm, đền miếu ít được quan tâm, chăm sóc, Thái Miếu đã dần mai một và trở thành phế tích. Trải qua thời gian, biến thiên của lịch sử, các dấu vết dần bị vùi lấp, ghi chép không được lưu truyền phế tích bị quên lãng, những cuộc điều tra khai quật, nghiên cứu khảo cổ làm xuất lộ và hé lộ lịch sử của Thái Miếu.

Cùng với Thái Miếu, sau khi về An Sinh, An Sinh vương xây dựng Phủ đệ điện An Sinh (trước đây là đền An Sinh) và khu vực Đồng Sinh. Các dấu vết xuất lộ bước đầu cho thấy quy mô phủ đệ của An Sinh vương là rất lớn, gồm nhiều công trình trong đó các dấu vết đã xuất lộ trong khuôn viên đền An Sinh hiện nay là khu trung tâm của phủ đệ. So sánh với các phủ đệ của một số thân vương nhà Trần đã biết có thể thấy, phủ đệ của An Sinh vương có quy mô lớn hơn rất nhiều so với các phủ đệ khác, điều này dường như cũng thể hiện vị thế của An Sinh vương, người duy nhất được lấy tên vùng đất được phong thái ấp làm vương hiệu.

2. Điện An Sinh và Thái Miếu là những quần thể kiến trúc có quy mô to lớn, cấu trúc phức tạp gồm nhiều kiến trúc liên hoàn và khép kín, kết cấu khung gỗ, mái lợp ngói sen. Kỹ thuật và vật liệu xây dựng có nhiều điểm tương đồng với kiến trúc hoàng gia thời Trần phát hiện tại Thăng Long, Thiên Trường, Long Hưng và một số di tích lăng mộ, chùa tháp thời Trần ở Đông Triều như kỹ thuật kiến trúc cột âm; kỹ thuật gia cố móng, sử dụng loại hình vật liệu đất nung... Đồng thời,

cũng có nhiều nét khác biệt như việc sử dụng cuội để xây dựng kiến trúc như một đặc trưng mang tính địa phương.

3. Điểm khác biệt độc đáo nhất giữa kiến trúc điện An Sinh và Thái Miếu so với kiến trúc hoàng gia thời Trần chính là sự giản đơn trong kỹ thuật trang trí bộ mái kiến trúc. Nếu như kiến trúc hoàng gia thời Trần ở Thăng Long, Thiên Trường, Long Hưng và lăng tẩm Đông Triều... luôn được trang trí lộng lẫy, nhất là bộ mái kiến trúc thì bộ mái của điện An Sinh và Thái Miếu chỉ dùng ngói lợp thông thường là ngói phẳng, không có ngói ống, không có ngói men lưu ly, không có trang trí ngói ống, lá đề, đầu rồng, phượng... Đây là một trong những thông tin quan trọng, góp phần nghiên cứu về quy chuẩn mang tính đẳng cấp trong kiến trúc thời Trần.

4. Ngược lại, dường như có một nghịch lý là, mặc dù kiến trúc không được trang trí nhưng tại điện An Sinh và Thái Miếu đều đã phát hiện được những đồ dùng thường nhật và đồ tế khí có kích thước lớn, kỹ thuật tinh xảo, mỹ thuật lộng lẫy như thống gốm hoa nâu, tháp gốm hoa nâu, tượng chim phượng... Những di vật thời Trần hiếm gặp ngay cả trong hoàng thành Thăng Long này, không chỉ cung cấp minh chứng cho sự phát triển vượt trội của kỹ thuật sản xuất đồ gốm men, kim loại thời Trần, mà còn cung cấp thêm những tư liệu cho việc tìm hiểu kiến trúc cảnh quan, phần nào hiểu được các tập tính văn hóa trong cung đình, phủ đệ của nhà Trần.

5. Lịch sử hình thành phát triển của các di tích đền miếu liên quan đến vương triều Trần tại Đông Triều phản ánh vị trí của vùng đất Đông Triều với dòng họ Trần nói riêng và lịch sử Đại Việt thời Trần nói chung. Nó cũng cung cấp những cứ liệu lịch sử cho việc nghiên cứu làm rõ cấu trúc quyền lực vương triều Trần. Nhờ cấu trúc đó mà, một triều đại có cấu trúc quyền lực khá phân tán nhưng thực tế lại tạo thành một khối bền vững, tạc nền tảng để vương triều Trần có thể trải qua nhiều thử thách mang tính sống còn, tạo lên võ công hiển hách và văn hiến rực rỡ. Vương triều Trần trở thành một trong những triều đại quân chủ có võ công văn trị lớn nhất trong lịch sử Việt Nam.

6. Hệ thống di tích đền miếu liên quan đến vương triều Trần cùng với các di tích lăng tẩm và chùa tháp tại Đông Triều tạo thành một quần thể di tích có giá trị lịch sử văn hóa tiêu biểu. Những di tích đền hình này đã được các triều đại quân chủ Lê - Nguyễn sau bảo tồn, tôn tạo và giao cho dân tạo lệ trong vùng giữ ẩm hương đăng. Nhờ đó, đến nay điện An Sinh và Thái Miếu vẫn tiếp tục được bảo tồn, phục hồi và

đang có những đóng góp quan trọng trong sự phát triển văn hóa xã hội, là động lực phát triển kinh tế của thị xã Đông Triều và tỉnh Quảng Ninh.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. *Cụm di tích lịch sử - văn hóa đền thờ và lăng mộ các vua Trần tại Đông Triều, thực trạng và giải pháp*. Kỷ yếu Hội thảo Đông Triều với lịch sử nhà Trần. tr97-111./.

2. *Đền Thái site from Archaeological data*. Vietnam Archaeology, Number 6/2011, Page.71-86;

3. *The An Sinh large ceramic basin in the Complex of the Tran Dynasty ceramics discovered at the An Sinh temple (Dong Trieu - Quang Ninh)*. The First International Conference on the Issues of Social Sciences and Humanities, Hanoi National University Publishing House, tr.518-535;

4. *Tran Dynasty temple as relics in Dong Trieu (Quang Ninh) through Archaeological Materials*. The First International Conference on the Issues of Social Sciences and Humanities, Hanoi National University Publishing House, tr.536-550